

(Ban hành kèm theo Công văn số 02/HD-HKTSH ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Kiểm tra sát hạch xe tải tuyến đặc cách viên chức năm 2018)

năm 2019 của Hội đồng Kiểm tra sát hạch xét tuyển đặc cách viên chức năm 2018)

1718

TT	STT danh sách dự tuyển	Dong Triệu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển			Ngoại ngữ		Tin học	Đổi tương ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục	
					Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp	Tiếng					Trình độ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
19											19	Nguyễn Thị Thu Hương		05/10/1985	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình	Anh	C	B			9N9T
20	2	Trưởng Mầm non Hưng Đạo	Giáo viên Mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Sư phạm mầm non		Anh	Bậc 1	Ứng dụng CNTT Cơ bản	1	Đoàn Thị Hồng Nhung		18/01/1983	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			8N2T
21											2	Phạm Thị Hoàn		03/02/1987	Cao đẳng	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			8N2T
22											3	Trần Thị Thu Hương		13/5/1987	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			8N2T
23											4	Lê Thị Hạt		09/9/1983	Đại học	SPMN	VHVL	Khá	Anh	C	B			7N1T
24											5	Vũ Thị Khuyển		15/07/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
25											6	Đỗ Thị Viên		25/03/1992	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			6N
26											7	Phạm Thị Hiền		12/9/1986	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	C	B			6N
27											8	Nguyễn Thị Thảo		19/9/1991	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			6N
28											9	Đỗ Hoài Liên		18/10/1985	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	A	B			7N1T
29	29	Trưởng Mầm non Kim Sơn	Giáo viên Mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Sư phạm mầm non		Anh	Bậc 1	Ứng dụng CNTT Cơ bản	1	Nguyễn Thị Tươi		05/11/1988	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			8N1T
30											2	Nguyễn Thị Hương		02/8/1987	Đại học	SPMN	Tại chức	Trung bình khá	Anh	B	B			7N7T
31											3	Nguyễn Thị Hiền		26/3/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
32											4	Lê Thị Hiền		09/8/1989	Cao đẳng	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
33											5	Bùi Thị Huệ		04/5/1989	Cao đẳng	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
34											6	Lê Thị Trãi		08/9/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	A	A			7N1T
35											7	Cao Thị Ngọc		05/6/1987	Cao đẳng	SPMN	Tại chức	Khá	Anh	B	VP			10N8T
36											8	Nguyễn Thị Phương Anh		16/9/1992	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T
37											9	Lê Thị Thơm		27/8/1991	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T
38											10	Đỗ Thị Nhân		27/05/1992	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T

TT	STT	Dong Trieu	Tao vi tri vietc lam	Ma so chuc danh nghiep	Yeu cau ve chuyen mon			Yeu cau ve Ngoai ngu		Yeu cau ve Tin hoc	STT	Ho va ten	Ngay thang nam sinh		Nganh/Chuyen nganh cua nguoi dang ky dự tuyển			Ngoai ngu		Tin hoc	Doi tuong ưu tiên	Khac	Tong thoi gian đóng BHXH liên tục	
					Trinh độ	Nganh/chuyên ngành	Khac	Tieng	Trinh độ				Nam	Nu	Trinh độ	Nganh/chuyên ngành	Hệ Đào tạo	Loai doi nghiệp	Tieng					Trinh độ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
39											11	Nguyễn Thị Huệ			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			6N
40											12	Nguyễn Thị Thu Hương			Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			4N
41	3	Trường Mầm non Nguyễn Huệ	Giáo viên Mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Sư phạm mầm non		Anh	Bậc 1	Ứng dụng CNTT Cơ bản	1	Nguyễn Thị Hồng			Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			8N2T
42											2	Đặng Thị Hiền			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			8N2T
43											3	Trương Thị Hải			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N7T
44											4	Nguyễn Thị Huyền			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
45											5	Nguyễn Thị Huyền			Trung cấp	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
46											6	Dương Thị Ngọc			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
47											7	Ngô Thị Thoa			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
48											8	Nguyễn Thị Hương			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N
49											9	Ngô Thị Thu Huyền			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	A	A			6N
50											10	Bùi Thị Phương			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			6N
51											11	Nguyễn Thị Thủy			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			5N
52											12	Nguyễn Thị Hồng Hạnh			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			4N11T
53											13	Đào Thị Thủy			Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	A			8N2T
54	5	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên Mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Sư phạm mầm non		Anh	Bậc 1	Ứng dụng CNTT Cơ bản	1	Ngô Thị Thanh Hải			Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	C	B			9N6T
55											2	Vũ Thị Kiều Oanh			Cao đẳng	SPMN	Chính quy	Khá	Anh	B	B			7N1T
56											3	Vũ Thị Bình			Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B	Con TB		9N6T
57											4	Lê Thị Thu Hương			Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	A			8N2T
58											5	Nguyễn Thị Doan			Đại học	SPMN	VLVH	Khá	Anh	B	B			7N



TT danh sách đợt tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Dong Trieu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ đợt tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục
					Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp	Tiếng	Trình độ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
59											6	Dương Thị Duyên		21/01/1987	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Khá	Anh	B	CNTT CB			5N
60											7	Vân Thị Thủy		14/01/1979	Đại học	SPMN	Tại chức	Trung bình khá	Anh	B	B			7N
61											8	Lưu Thị Loan		07/5/1988	Đại học	SPMN	Tại chức	Trung bình khá	Anh	A2	CNTT cơ bản			8NIT
62											9	Trịnh Thị Thanh Mai		15/3/1982	Cao đẳng	Nhà trẻ - Mẫu giáo	Chính quy	Trung bình khá	Anh	A2	B			10N8T
63											10	Nguyễn Thị Hằng		05/10/1989	Cao đẳng	SPMN	VHVL	Khá	Anh	B	B			7NIT
64											11	Phạm Thị Nhung		29/9/1983	Đại học	SPMN	Tại chức	Trung bình khá	Anh	B	B			8N2T
65											12	Nguyễn Thị Hương		21/4/1985	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			9N6T
66											13	Trần Thị Thu Loan		28/12/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	C	B	Con TB		7N7T
67											14	Nguyễn Thị Thủy		03/3/1991	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	A	A			6N
68											15	Nguyễn Ngọc Anh		30/5/1991	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			6N10T
69											16	Nguyễn Thị Hằng		12/7/1988	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B	Con bệnh bình		7NIT
70											17	Nguyễn Thị Hoa		08/12/1988	Trung cấp	SPMN	Tại chức	Trung bình khá	Anh	B	B			7N7T
71											18	Phạm Thị Thủy		17/9/1989	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Khá	Anh	B	B			6N6T
72	6	Trường Mầm non Sơn Ca	Giáo viên Mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Sư phạm mầm non		Anh	Bậc 1	Ứng dụng CNTT Cơ bản	1	Thần Thị Thu Thảo		10/8/1986	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Tiếng Anh	B	B			7N
73											2	Vũ Thị Kim Thương		07/5/1988	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Tiếng Anh	B	B			8NIT
74											3	Tô Thị Hoài		23/11/1986	Cao đẳng	SPMN	VHVL	Khá	Tiếng Anh	B	B			9N6T
75											4	Hoàng Thị Thu		25/02/1985	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Tiếng Anh	B	B			7NIT
76											5	Nguyễn Thị Thủy		20/8/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Tiếng Anh	B	B			5NIT
77											6	Nguyễn Thị Thoan		10/4/1991	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Tiếng Anh	B	B			5NIT
78											7	Nguyễn Thị Huyền		27/5/1982	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Tiếng Anh	B	B			8N
79											8	Vũ Thị Vân Anh		29/8/1987	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình khá	Tiếng Anh	B	B			6NIT



TT	STT	Đang Triệu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển		Ngoại ngữ		Tin học	Điểm tương đương ưu tiên		Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục	
					Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp		Tiếng	Trình độ			
7	2		3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
80											9	Phạm Thị Phương		29/11/1983	Đại học	SPMN	Vừa làm vừa học	Trung bình khá	Tiếng Anh	B	B			8N1T
81											10	Ty Thị Ba		18/7/1987	Đại học	SPMN	Vừa làm vừa học	Trung bình	Tiếng Anh	B	B			5N11T
82											11	Nguyễn Thị Thủy Liên		08/11/1989	Đại học	SPMN	Vừa làm vừa học	Khá	Tiếng Anh	A	A			7N1T
83											12	Nguyễn Thị Thanh Huyền		02/01/1992	Đại học	SPMN	Vừa làm vừa học	Trung bình khá	Tiếng Anh	B	B			5N11T
84	7	Trường Mầm non Tân Việt		Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non	Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Phạm Thị Toán		13/01/1981	Cao đẳng	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			7N
85											2	Trần Thị Loan		14/11/1992	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T
86											3	Trần Thị Thủy Tiên		08/7/1989	Cao đẳng	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T
87											4	Vũ Thu Hiền		13/10/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			7N7T
88											5	Hồ Thị Quy		09/3/1979	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			8N7T
89											6	Đàm Thị Thơm		25/8/1990	Đại học	SPMN	Từ Xa	Trung bình khá	Anh	B	B			6N7T
90											7	Bùi Thị Thảo		11/03/1991	Đại học	SPMN	Từ Xa	Trung bình khá	Anh	B	B			6N11T
91	8	Trường Mầm non Thủy An		Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non	Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Kim Oanh		04/12/1975	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			9N10T
92											2	Nguyễn Thị Thu		20/6/1982	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			8N1T
93											3	Trần Thị Dung		24/7/1985	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			8N1T
94											4	Nguyễn Thị Vân Anh		12/7/1987	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			8N1T
95											5	Nguyễn Thị Thu Huyền		19/8/1988	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			8N1T
96											6	Chu Thị Quyền		21/6/1986	Cao đẳng	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	A	A			7N1T
97											7	Nguyễn Thị Long		16/02/1990	Trung cấp	SPMN	Chinh quy	Khá	Anh	B	B			7N1T
98											8	Nguyễn Thị Thủy		15/6/1989	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
99											9	Chu Thị Hoài Giang		28/09/1989	Trung cấp	SPMN	Chinh quy	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T

TT	đánh sách đọc tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Dong Trieu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ đự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển			Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục	
						Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Hệ Đào tạo	Loại ngành	Tiếng	Trình độ					
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
100		9	Trường Mầm non Trảng An	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Phạm Thanh Hà		30/10/1984	Cao đẳng	SPMN	Tại chức khá	Anh	B	B				
101												2	Vương Thị Kim Chi		10/6/1989	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B	Con người NCDHH			
102												3	Nguyễn Thị Hạnh		08/11/1987	Cao đẳng	SPMN	VLVH	Anh	B	A				
103												4	Trần Thị Thu Hằng		31/7/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
104												5	Nguyễn Thanh Phượng		03/02/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
105												6	Nguyễn Thị Thanh Hiền		16/9/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
106												7	Nguyễn Thị Hồng		27/7/1987	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
107												8	Nguyễn Thị Nhung		12/7/1988	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
108												9	Hoàng Thị Phượng		18/5/1989	Đại học	SPMN	học từ xa khá	Anh	B	B				
109												10	Bùi Thị Thu Trang		28/8/1983	Cao đẳng	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
110												11	Chau Thị Hào		06/6/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
111												12	Hoàng Thị Thu Hương		09/02/1989	Trung cấp	SPMN	Chính quy khá	Anh	B	B				
112												13	Nguyễn Thị Mai Hương		26/10/1992	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
113												14	Vũ Thị Nhung		26/11/1993	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
114												15	La Thị Yên		10/3/1987	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
115	10	Trường Mầm non Trảng Lươg		Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Bùi Thị Kim Oanh		12/6/1988	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
116												2	Trần Thị Linh		09/11/1989	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
117												3	Bùi Loan Hương		20/02/1984	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
118												4	Dương Thị Thoa		14/5/1987	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
119												5	Hoàng Thị Thủy		15/7/1988	Đại học	SPMN	VLVH	Anh	B	B				
120												6	Trương Thị Ngát		13/8/1987	Trung cấp	SPMN	Chính quy khá	Anh	B	B				
121												7	Nguyễn Thị Loan		09/3/1989	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Anh	B	B				

TT danh sách tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Dong Trieu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển		Loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ		Tin học	Đổi tương ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục	
					Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/ch uyên ngành		Hệ Đào tạo	Trình độ					Trình độ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
122											8	Tà Thị Hậu		22/7/1991	Đại học	SPMN	VLVH	Trung khá	Anh	B	B			4N11T
123	11	Trường Mầm non Việt Dân	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Đông Thị Thêu		21/10/1983	Đại học	SPMN	VLVH	Trung khá	Anh	B	B			8N1T
124											2	Nguyễn Thị Huyền		19/8/1984	Đại học	SPMN	VHVL	Trung khá	Anh	B	B			8N1T
125											3	Phạm Thị Xuyên		10/11/1989	Đại học	SPMN	VHVL	Trung khá	Anh	B	B			7N7T
126											4	Nguyễn Thị Ánh		04/12/1988	Đại học	SPMN	VHVL	Trung khá	Anh	A	B			8N1T
127											5	Bùi Thị Hoài Phương		03/12/1989	Cao đẳng	SPMN	Chính quy	Trung khá	Anh	B	B			7N1T
128											6	Bùi Thị Chính		18/11/1991	Đại học	SPMN	VHVL	Trung khá	Anh	B	A			7N1T
129											7	Nguyễn Thị Khanh		10/01/1991	Đại học	SPMN	VHVL	Trung khá	Anh	A	B			6N9T
130											8	Bùi Thị Hà		13/9/1991	Đại học	SPMN	VHVL	Trung khá	Anh	A	A			5N11T
131											9	Nguyễn Thị Diên		28/9/1993	Đại học	SPMN	VHVL	Trung khá	Anh	B	B			3N11T
132											10	Đỗ Thị Ngọc Anh		02/4/1994	Đại học	SPMN	VHVL	Trung khá	Anh	B	B			3N11T
133											11	Nguyễn Thị Thanh Nga		01/11/1991	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung khá	Anh	B	B			6N1T
134	12	Trường Mầm non Xuân Sơn	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Lương		27/10/1983	Đại học	SPMN	Tại chức	Khá	Anh	B	B			9N9T
135											2	Nguyễn Thị Hiền		31/01/1986	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung khá	Anh	B	B			7N1T
136											3	Nguyễn Thị Huệ		16/9/1993	Đại học	SPMN	Tại chức	Trung khá	Anh	B	B			5N1T
137											4	Nguyễn Thị Thủy		28/3/1986	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung khá	Anh	B	B			6N9T
138											5	Nguyễn Thị Huy		10/9/1986	Đại học	SPMN	Tại chức	Trung khá	Anh	B	B			7N1T
139											6	Nguyễn Thị Thủy		25/7/1988	Đại học	SPMN	Tại chức	Trung khá	Anh	B	B			8N2T
140	13	Trường Mầm non Yên Đức	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Trình Thị Tuyết		28/9/1980	Đại học	SPMN	VLVH	Trung khá	Anh	B	B			9N
141											2	Ngô Thị Tuyên		01/3/1988	Đại học	SPMN	Học từ xa	Trung khá	Anh	B	B			6N1T
142											3	Bùi Thị Minh Huệ		06/7/1981	Đại học	SPMN	VLVH	Trung khá	Anh	B	B			9N



TT	STT danh sách dự tuyển	Cơ quan, đơn vị	Dong Triệu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn		Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục
						Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Khác	Trình độ				Trình độ	Nam	Nữ	Trình độ	Hệ Đào tạo	Loại	Tiếng	Độ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
143											4	Vũ Thị Lan		26/4/1992	Đại học	SPMN	Học từ xa	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T
144											5	Lưu Thị Loan		04/11/1991	Đại học	SPMN	Học từ xa	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T
145											6	Đinh Thị Thủy Dương		21/6/1991	Đại học	SPMN	Học từ xa	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T
146											7	Đào Thị Hiền		22/5/1989	Đại học	SPMN	Học từ xa	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T
147											8	Vũ Thị Huyền		16/7/1988	Đại học	SPMN	Học từ xa	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
148											9	Nguyễn Thị Uyên		13/8/1992	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T
149											10	Nguyễn Thị Mai Phương		13/8/1985	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B	Con TB		6N8T
150											11	Bùi Thị Tích		25/02/1989	Đại học	SPMN	Học từ xa	Trung bình khá	Anh	B	A			8N2T
151											12	Ngô Thị Xuân		05/4/1988	Đại học	SPMN	Từ xa	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T
152											13	Đoàn Thị Hằng		10/9/1988	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			9N
153											14	Trần Thị Hải Yến		28/01/1993	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			5N
154	14	Trường Mầm non Yên Thọ	Giáo viên mầm non	Giáo dục mầm non	V.07.02.06	Trung cấp		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Ngô Thị Lương		04/6/1980	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			9N7T
155											2	Ngô Thị Trang		06/01/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			7N7T
156											3	Đỗ Thị Trang		02/07/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			7N7T
157											4	Nguyễn Thủy Linh		05/01/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			8N2T
158											5	Ngô Thanh Thủy		30/11/1987	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			8N2T
159											6	Nguyễn Thị Sinh		15/11/1988	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Khá	Anh	B	B			8N2T
160											7	Hoàng Thị Thu Nga		10/8/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			7N7T
161											8	Trần Thị Biên		26/7/1981	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	C	A			8N2T
162											9	Đào Thị Hồng		20/01/1991	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
163											10	Hoàng Thị Nhân		20/4/1988	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			8N1T



TT	STT	Đánh sách dư tuyển	Cơ quan, đơn vị	Mã số chức danh nghề nghiệp	Tên vị trí việc làm	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển		Ngoại ngữ		Tin học	Điểm tương đương ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục		
						Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp					Tiếng	Trình độ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
164												11	Phạm Thị Thủy		14/11/1985	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			6N9T
165												12	Nguyễn Thị Luyện		20/11/1988	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			8N1T
166												13	Hà Minh Nghĩa		27/01/1991	Đại học	SPMN	VLVH	Khá	Anh	B	B			7N
167												14	Đỗ Thị Thuận		18/5/1984	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Giỏi	Anh	B	B			5N8T
168												15	Phạm Thị Phương		26/9/1980	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			9N1T
169	15	Trưởng Mầm non An Sinh A		Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non	Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Phạm Thị Thu Hạnh		01/9/1983	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			9N10T	
170												2	Phạm Thị Vân		08/7/1984	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			9N10T
171												3	Phạm Thị Lan Anh		15/5/1988	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			8N1T
172												4	Nguyễn Thị Nga		14/8/1989	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N7T
173												5	Vũ Thị Thuận		17/10/1989	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
174												6	Vũ Thị Oanh		06/6/1989	Cao đẳng	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N7T
175												7	Lê Thị Hoa		07/01/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			6N11T
176												8	Phạm Thị Nhung		15/5/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
177												9	Nguyễn Thị Toan		15/01/1992	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			6N1T
178												10	Bùi Thị Thu Hiền		14/5/1991	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			5N1T
179												11	Nguyễn Thị Thuong		04/8/1984	Đại học	SPMN	VHVL	TB	Anh	B	B			5N11T
180												12	Vũ Thị Cúc Phương		05/01/1993	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			5N
181												13	Vũ Thị Yến		15/02/1993	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			5N2T
182												14	Dương Thị Thê		13/3/1992	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			5N
183												15	Nguyễn Thị Minh Thủy		04/03/1993	Cao đẳng	SPMN	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			4N
184	16	Trưởng Mầm non An Sinh B		Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non	Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Lê Thị Liên		25/02/1984	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B	Con BB		9N10T	

TT danh sách đủ đơn vị tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Dong Triệu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn		Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ đủ tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Ngoại ngữ		Tin học	Đổi tương ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục	
					Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Khác	Trình độ				Tiếng	Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại	Tiếng độ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
185											2	Nguyễn Thị Thủy		06/02/1981	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	A			7N8T
186											3	Vũ Thị Nguyệt		11/5/1987	Cao đẳng	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	B			8N1T
187											4	Nguyễn Thị Dương		22/11/1987	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	A			8N1T
188											5	Nguyễn Như Mừng		22/02/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	B			7N7T
189											6	Đỗ Thị Khanh		21/8/1977	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	A			7N1T
190											7	Ngô Thị Chinh		10/11/1988	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	A	Con TB		7N1T
191											8	Đỗ Thị Hạnh		23/4/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	A			7N1T
192											9	Lê Thị Vân		25/6/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	B			6N1T
193											10	Lê Thị Máy		13/02/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	A	A			6N
194	17	Trưởng Mầm non Bình Dương A	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Tăng Thị Máy		10/10/1976	Cao đẳng	SPMN	Tại chức	Trung bình bình khá	Anh	B	B			9N10T
195											2	Lê Quỳnh Anh		14/10/1988	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	A			8N1T
196											3	Đặng Thị Hồng Vân		04/5/1986	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	B			8N1T
197											4	Nguyễn Thị Hương		04/10/1988	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình bình khá	Anh	B	B			6N7T
198											5	Nguyễn Thị Liên		18/10/1987	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	A			7N7T
199											6	Nguyễn Thị Hạnh		18/9/1990	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình bình khá	Anh	B	B			6N
200											7	Đoàn Thị Thanh Tâm		07/9/1992	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	B			5N1T
201											8	Nguyễn Thị Hải		23/8/1993	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình bình khá	Anh	B	B			5N
202											9	Nguyễn Thị Hằng		17/02/1991	Cao đẳng	SPMN	VHVL	Trung bình bình khá	Anh	B	B			6N1T
203	18	Trưởng Mầm non Bình Dương B	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Mai Thị Loan		04/7/1975	Cao đẳng	SPMN	VLVH	Khá	Anh	B	A			8N1T
204											2	Phạm Thị Mận		05/02/1986	Đại học	SPMN	Vừa làm vừa học	Trung bình bình Khá	Anh	B	B			8N1T



TT	STT	Danh sách dự đơn vị	Dong Trieu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn		Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển		Ngoại ngữ		Tin học	Đổi tương đương un tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục			
						Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Khác	Tiếng				Trình độ	Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Hệ Đào tạo					Loại tốt nghiệp	Tiếng	Trình độ
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
205											3	Nguyễn Thị Tâm		28/11/1987	Cao đẳng	SPMN	Vừa làm vừa học	Trung bình Khá	Anh	B	B				8N1T
206											4	Nguyễn Thị Ngân		22/8/1990	Đại học	SPMN	Vừa làm vừa học	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			7N7T
207											5	Trần Thị Ngân		15/01/1984	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Khá	Anh	B	B	B			6N6T
208											6	Phạm Thị Dung		26/4/1990	Đại học	SPMN	Vừa làm vừa học	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			6N1T
209											7	Lưu Thị Cảnh		17/8/1992	Đại học	SPMN	Vừa làm vừa học	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			6N
210	19	Trường Mầm non Bình Minh		Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Thắm		01/02/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình Khá	Anh	B	B			7N8T
211											2	Vũ Thị Hương Lý		13/4/1985	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình Khá	Anh	C	B	B			7N1T
212											3	Nguyễn Thị Thiết Hà		19/8/1989	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			7N1T
213											4	Phạm Thị Nga		11/5/1982	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình Khá	Anh	C	B	B			7N1T
214											5	Đinh Thị Yến		29/9/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình Khá	Anh	C	B	B			7N1T
215											6	Hoàng Thị Hồng		24/7/1989	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình Khá	Anh	C	B	B			7N1T
216											7	Đỗ Thị Thanh		09/7/1992	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			6N1T
217											8	Đinh Thị Giang		02/02/1991	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			6N1T
218											9	Nguyễn Thị Nhung		21/7/1992	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			6N
219											10	Nguyễn Thị Duyên		01/01/1983	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			5N
220	20	Trường MN Đức Chinh		Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Nguyễn Phương Hiên		13/01/1984	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình Khá	Anh	B	B			9N10T
221											2	Hoàng Thị Lan		29/9/1985	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			8N3T
222											3	Ngô Thị Oanh		01/5/1987	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Khá	Anh	B	B	B			9N4T
223											4	Nguyễn Thị Linh		06/7/1987	Cao đẳng	SPMN	VHVL	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			7N8T
224											5	Nguyễn Thị Hương		16/6/1987	Cao đẳng	SPMN	VHVL	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			7N1T
225											6	Nguyễn Thị Vân		17/6/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình Khá	Anh	B	B	B			7N1T

TT danh sách · dự tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Dong Trieu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ			Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển			Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục
					Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Khác	Trưởng	Trình độ	Nam				Nữ	Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp	Trưởng độ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
226											7	Vương Thị Thắm		22/10/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình	Anh	B	B			7N6T
227											8	Trần Diệu Thúy		10/5/1987	Đại học	SPMN	Chính quy	Khá	Anh	C	B			6N2T
228											9	Trương Thị Thương		06/4/1982	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình	Anh	B	B			6N1T
229											10	Bùi Thị Hằng		03/9/1991	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Khá	Anh	B	B			6N1T
230	21	Trưởng Mầm non Hoa Anh Đào	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Oanh		06/8/1985	Đại học	SPMN	VLVH	Giỏi	Anh	B	B	Con TB		9N9T
231											2	Mai Thị Bắc		20/6/1977	Cao đẳng	SPMN	VLVH	Trung bình	Anh	B	B			7N1T
232											3	Nguyễn Thị Thu Hoà		05/10/1989	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình	Anh	B	B			7N1T
233											4	Nguyễn Thị Thía		15/9/1983	Đại học	SPMN	VLVH	Khá	Anh	B	VP			7N
234											5	Phạm Thị Châm		23/11/1991	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình	Anh	B	B			6N
235											6	Nguyễn Thị Hiền		17/6/1990	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình	Anh	B	B			7N
236											7	Nguyễn Thị Thuý Điệp		30/11/1987	Đại học	SPMN	VLVH	Khá	Anh	B	B			7N
237	22	Trưởng Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Phạm Thị Thu Hương		28/02/1984	Đại học	SPMN	Tại chức	TB khá	Anh	B	B			8N2T
238											2	Phùng Thị Thanh Thuý		11/11/1980	Đại học	SPMN	Tại chức	TB khá	Anh	B	B			9N6T
239											3	Nguyễn Thị Thu		27/8/1990	Đại học	SPMN	Tại chức	khá	Anh	B	B			7N1T
240											4	Đinh Thị Hà		15/7/1983	Cao đẳng	SPMN	Tại chức	TB khá	Anh	B	B			7N1T
241											5	Vũ Thị Nhâm		04/3/1992	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình	Anh	B	B	Con Tb		6N1T
242											6	Đinh Thị Lan Anh		02/5/1994	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình	Anh	B	B			4N
243											7	Vũ Thị Dung		05/7/1991	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình	Anh	B	B			7N
244											8	Quách Thị Quỳnh		19/9/1987	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình	Anh	B	B			9N6T
245											9	Nguyễn Thị Hương		19/11/1988	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình	Anh	B	B			7N1T
246											10	Nguyễn Thị Phương		12/8/1991	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình	Anh	B	B			5N1T
247											11	Nguyễn Thị Hoa		06/01/1980	Trung cấp	SPMN	chính quy	Trung bình	Anh	B	B			6N1T
248	23	Trưởng Mầm non Hoa Mai	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Vân Ngọc		31/10/1987	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình	Anh	A	B			7N9T

TT danh sách dự tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Dong Triet	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục
					Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp	Tiếng	Trình độ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
249											2	Vũ Thị Hoàng Chung		14/02/1985	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			9N9T
250											3	Ngô Thị Lý		20/7/1990	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	C	A			7N8T
251											4	Bùi Thị Hằng		29/11/1989	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			7N8T
252											5	Nguyễn Thị Hằng		20/10/1985	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			9N8T
253											6	Nguyễn Thị Phong		28/11/1982	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B	con của người nhiệm chất độc hóa học		5N1T
254											7	Nguyễn Thị Phượng		25/11/1983	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	C	A			7N8T
255											8	Bùi Thị Vân		29/7/1981	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình	Anh	B	B			8N2T
256											9	Nguyễn Thị Liên		01/7/1984	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Khá	Anh	B	B			7N8T
257											10	Nguyễn Thị Hương		26/6/1990	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	C	A			7N8T
258											11	Nguyễn Kim Quế		24/12/1978	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Giỏi	Anh	B	B			7N8T
259											12	Phạm Thị Quyên		03/9/1987	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
260											13	Nguyễn Thị Ly		02/5/1991	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	A	A			5N6T
261	24	Trường Mầm non Họa Mĩ	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Trần Thị Thủy Hồng		04/12/1973	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			6N9T
262											2	Bùi Thị Thoan		22/10/1982	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
263											3	Trần Thị Nga		08/6/1981	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
264											4	Lại Thị Nga		13/4/1986	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	C			6N1T
265											5	Chu Thị Trang		29/10/1989	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
266											6	Lê Thị Hồng Thủy		08/11/1989	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			5N9T
267											7	Hoàng Thị Biển Hên		11/08/1989	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Giỏi	Anh	B	B			8N1T

TT danh sách dự tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Dong Trieu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hỗ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục
					Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Hệ tạo	Loại tốt nghiệp	Tiếng	Trình độ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
268	25	Trường Mầm non Hoa Phượng	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Vũ Thị Chiêu		22/7/1985	Đại học	SPMN	VLVH	Trung binh khá	Anh	C	B	Con bệnh binh Con người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		9N6T
269											2	Thạch Thị Vân		23/9/1983	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	B	A	Con bệnh binh Con người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		7N4T
270											3	Đỗ Thị Ánh Ngọc		22/12/1988	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	B	B	Con thương binh Con người nhiễm chất độc hóa học		8N1T
271											4	Nguyễn Thị Ngọc Thư		28/8/1985	Cao đẳng	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	B	B	Con thương binh Con người nhiễm chất độc hóa học		6N1T
272											5	Nguyễn Thị Thu Hoàn		07/4/1987	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	C	B			9N6T
273											6	Phạm Thị Lý		01/11/1985	Đại học	SPMN	Chính quy	Khá	Anh	B	B			9N3T
274											7	Trần Thị Thu		11/10/1987	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	C	B			8N1T
275											8	Hoàng Thị Hường		08/5/1985	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Khá	Anh	B	B			9N9T
276											9	Trần Thị Nguyệt		10/7/1983	Cao đẳng	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	B	B			8N2T
277											10	Phạm Thị Dinh		24/3/1985	Cao đẳng	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	B	B			8N4T
278											11	Nguyễn Thị Thắm		25/8/1984	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	B	B			7N1T
279											12	Nguyễn Thị Bích Hà		17/10/1984	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	C	B			7N1T
280											13	Phạm Thị Hiền		20/08/1986	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	C	B			7N
281											14	Lê Thị Thu		10/10/1988	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh	Anh	A	B			7N1T
282											15	Phạm Thị Thùy Hương		22/6/1986	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung binh khá	Anh	B	B			5N
283											16	Đỗ Thị Ngọc		28/5/1991	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung binh khá	Anh	B	B			5N
284											17	Vũ Thị Ngọc Hôi		08/7/1976	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	B	B			6N1T
285											18	Đào Thị Ngọc		03/4/1990	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung binh khá	Anh	B	B			6N1T

TT danh sách dự tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Dong Trieu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục
					Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp	Tiếng	Trình độ				
1	2	3			6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
286											19	Nguyễn Thị Huệ		17/7/1991	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			5N11T
287	26	Trường Mầm non Hoàng Quế	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Đương		27/01/1988	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			8N2T
288											2	Vũ Thị Uyên		17/7/1987	Cao đẳng	SPMN	Vừa học vừa làm	Khá	Anh	B	A	con TB		8N2T
289											3	Nguyễn Thị Thơm		28/5/1981	Cao đẳng	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			9N9T
290											4	Ngô Thị Phương		08/8/1982	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình	Anh	B	A			9N9T
291											5	Phạm Thị Thu Hằng		18/9/1988	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			7N7T
292											6	Nguyễn Thị Thu Hương		24/01/1986	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			9N9T
293											7	Phạm Thị Ngọc		13/11/1989	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
294											8	Bùi Thị Thanh		07/10/1990	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			6N
295											9	Nguyễn Thị Thuý		22/7/1990	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	C	B			7N1T
296											10	Nguyễn Thị Sinh		29/5/1993	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			5N1T
297											11	Trần Thị Thi		02/11/1990	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	C	B			7N1T
298											12	Hoàng Thị Thủy		02/12/1989	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			6N
299											13	Nguyễn Thị Thủy		11/9/1990	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
300	27	Trường Mầm non Hồng Phong	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Đặng Hồng Thơ		29/4/1980	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			15N8T
301											2	Trần Thị Thu		15/02/1990	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Khá	Anh	C	B			6N
302											3	Nguyễn Thị Lan Hương		19/10/1991	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Khá	Anh	B	B			7N1T
303											4	Nguyễn Thị Châm		31/7/1990	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
304											5	Phạm Thị Hoa		02/6/1982	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Khá	Anh	B	B			7N1T
305											6	Trần Thị Liễu		18/3/1991	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Khá	Anh	B	B			7N1T

TT danh sách dự tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Dong Trieu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghề	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục
					Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghề	Tiếng	Trình độ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
306											7	Đỗ Thị Giang		28/7/1988	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Khá	Anh	B	B			8N1T
307											8	Đỗ Thị Trang		25/3/1986	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Khá	Anh	B	B			8N8T
308											9	Nguyễn Thị Mỹ		29/11/1993	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Khá	Anh	B	B			5N
309											10	Dương Thị Thu Trang		25/5/1994	Trung cấp	SPMN	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			4N
310											11	Lê Thị Tình		10/11/1990	Trung cấp	SPMN	Tại chức	Khá	Anh	B	B			4N
311	28	Trường Mầm non Hồng Thái Đông	Giáo viên mầm non	V.07.02.06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Doan		02/01/1986	Đại học	SPMN	VLVH	Trung bình khá	Anh	B	B			9N
312											2	Nguyễn Thị Liên		08/4/1990	Đại học	SPMN	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	B	B			8N
313											3	Đỗ Thị Chinh		22/9/1986	Đại học	SPMN	Từ xa	Trung bình khá	Anh	B	B			8N1T
314											4	Phạm Thị Thủy		09/11/1983	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình	Anh	B	B			9N
315											5	Lê Thị Thủy Chi		26/8/1989	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			8N
316											6	Nguyễn Thanh Loan		24/8/1988	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B	Con BB		8N1T
317											7	Nguyễn Thị Hằng		25/12/1987	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
318											8	Trần Thị Hồng		13/08/1991	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
319											9	Đỗ Thị Thu Hằng		02/10/1989	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
320											10	Phạm Thị Hải Yến		02/02/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
321											11	Lưu Thị Mai Lan		06/02/1985	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			9N9T
322											12	Lê Thị Mĩ		13/4/1986	Đại học	SPMN	VHVL	Khá	Anh	B	B			7N1T
323											13	Phạm Thị Yến		20/02/1986	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
324											14	Bùi Thị Linh		06/9/1990	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			6N
325											15	Nguyễn Thị Mai Phương		26/10/1987	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			9N
326											16	Nguyễn Thị Hằng		10/8/1992	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			6N

TT đánh sách dự tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Dong Trieu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục
					Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghề	Tiếng	Trình độ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
327											17	Nguyễn Thị Kim Tuyền		13/3/1991	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			7N1T
328											18	Nguyễn Thị Hào		02/7/1993	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			5N1T
329											19	Bùi Thị Hiền		24/12/1985	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			6N
330											20	Nguyễn Thị Ngà		03/4/1993	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			5N1T
331											21	Lê Thị Dung		16/8/1989	Đại học	SPMN	VHVL	Trung bình khá	Anh	B	B			8N1T
332											22	Mạc Thị Thùy		09/4/1991	Đại học	SPMN	VHVL		Anh					6N
		Cấp học Tiểu học									4													
333	1	Trường Tiểu học Bình Khê I	Giáo viên Thể dục	V.07.03.09	Trung cấp	Sư phạm Giáo dục thể chất		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Ngát		18/10/1989	Đại học	Giáo dục Thể chất	Chính quy	Khá	Anh	C	B			3N6T
334	2	Trường Tiểu học Bình Khê II	Giáo viên Tiếng Anh	V.07.03.09	Trung cấp	Sư phạm Tiếng Anh		NN thứ 2	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Bưởi		20/12/1992	Đại học	SP tiếng Anh	Tại chức	Khá	Trung	B	B			4N11T
335	3	Trường Tiểu học Vĩnh Khê	Giáo viên Tiểu học	V.07.03.09	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Bùi Thị Thu Hằng		03/11/1992	Đại học	SPTH	Từ xa	Giỏi	Anh	B	B			3N6T
336	4	Trường Tiểu học Lê Hong Phong	Giáo viên Tiểu học	V.07.03.09	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Thanh Vân		07/09/1990	Đại học	SPTH	Từ xa	Khá	Anh	B	B			5N8T
		Cấp học THCS									3													
337	1	Trường THCS Hưng Đạo	Giáo viên Lịch sử	V.07.04.12	Cao đẳng	Sư phạm Lịch sử		Anh	Bậc 2	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Mai Hương		28/12/1980	Đại học	Lịch sử	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			14N9T
338	2	Trường THCS Mạo Khê II	Giáo viên Hóa- Sinh	V.07.04.12	Cao đẳng	Sư phạm Hóa-Sinh		Anh	Bậc 2	ƯDCNT TCB	1	Dương Văn Tâm	11/10/1987		Thạc sĩ	LL và PP dạy học sinh học	Chính quy		Anh	B1	IC3			4N2T
339	3	Trường THCS Thủy An	Giáo viên Địa lý	V.07.04.12	Cao đẳng	Sư phạm Địa lý		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Phan Trung Cường	16/7/1990		Cao đẳng	SP Sinh - Địa	Chính quy	Trung bình khá	Anh	A2	B			5N9T
		Cấp học THPT									2													
340	1	Trung tâm Giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp	Giáo viên tiếng Anh	V.07.05.15	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		NN thứ 2	Bậc 2	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Mai Phương		23/6/1984	Đại học	SP Tiếng anh	Chính quy	TB khá	Pháp	Bậc 2	CNIT CB			4N7T
341			Giáo viên Vật lý	V.07.05.15	Đại học	Sư phạm Vật lý		Anh	Bậc 2	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Thúy Vĩnh		27/10/1987	Đại học	SP Vật lý	Chính quy	Khá	Anh	C	B			5N5T
	*	Sự nghiệp Văn hóa TTTT									1													
342	1	Ban quản lý khu di tích nhà Trần	Nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền, quảng bá	17.178	Đại học	Cử nhân Lịch sử		Anh	Bậc 2	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Tiến Thành	20/11/1988		Đại học	Cử nhân Lịch sử	Chính quy	Khá	Anh ngữ	B	B			6N4T
	*	Sự nghiệp Y tế xã									19													
343	1	Trạm Y tế xã Hồng Thái Đông	Bác sỹ tuyến Y tế cơ sở	V.08.01.03	Đại học	Bác sỹ Y tế cơ sở		Anh	Bậc 2	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Văn Hùng	17/01/1963		Đại học	Bác sỹ Y tế cơ sở	Chuyên tu							5N7T
344	2	Trạm Y tế xã Hoàng Quế	Y sỹ	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ đa khoa		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Đào Thị Hồng Phượng		08/02/1990	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			5N1T
345	3	Trạm Y tế xã Yên Đức	Y sỹ	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ đa khoa		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Nhưng		16/01/1990	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			6N5T

TT đánh sách dự tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Dong Trieu	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghề	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục
					Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/ch uyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghề	Tiếng	Trình độ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
346	4	Trạm Y tế phường Mạo Khê	Y sỹ	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ đa khoa		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Đỗ Thị Huyền Trang		23/9/1992	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			5N1T
347	5	Trạm Y tế phường Kim Sơn	Y sỹ	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ đa khoa		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Phạm Ngọc Tuyền	03/9/1987		Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			5N1T
348	6	Trạm Y tế phường Xuân Sơn	Y sỹ	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ đa khoa		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Vương Thị Hải Yến		25/8/1991	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			4N4T
349	7	Trạm Y tế phường Hưng Đạo	Y sỹ	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ đa khoa		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Hà Thị Nhung		25/02/1992	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			5N1T
350											2	Nguyễn Văn Dũng	15/12/1991		Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			6N5T
351	8	Trạm Y tế xã Hồng Phong	Điều dưỡng Trung học	V.08.05.13	Trung cấp	Điều dưỡng Trung học		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Đào Hồng Oanh		22/3/1983	Trung cấp	Điều dưỡng đa khoa	Chính quy	Trung bình	Anh	A	B			5N8T
352	9	Trạm Y tế xã Việt Dân	Y sỹ	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ đa khoa		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Hoàng Ngọc Thành	22/8/1989		Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			5N1T
353	10	Trạm Y tế xã Thủy An	Y sỹ	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ đa khoa		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Đỗ Thị Ngọc Linh		06/7/1990	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Khá	Anh	B	B			5N7T
354	11	Trạm Y tế xã Bình Dương	Y sỹ	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ đa khoa		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Phượng		08/8/1992	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Khá	Anh	B	B			4N10T
355											2	Lê Thị Thu		09/9/1993	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			4N4T
356	12	Trạm Y tế phường Đức Chính	Nữ hộ sinh trung học	V.08.06.16	Trung cấp	Nữ hộ sinh trung học		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Hương		10/01/1984	Trung cấp	Hộ sinh trung học	Chính quy	Khá	Anh	B	B			6N8T
357	13	Trạm Y tế xã An Sinh	Điều dưỡng	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Nguyễn Thị Vân		16/6/1990	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chính quy	Khá	Anh	B	B			6N5T
358											2	Phạm Thị Nguyễn		06/10/1988	Trung cấp	Hộ sinh trung học	Chính quy	Khá	Anh	B	B			6N5T
359	14	Trạm Y tế xã Tràng An	Bác sỹ Đa khoa	V.08.01.03	Đại học	Bác sỹ Đa khoa		Anh	Bậc 2	ƯDCNT TCB	1	Lục Thị An		14/11/1989	Đại học	Bác sỹ Đa khoa	Chính quy	Khá	Anh	B	B	Dân tộc Sán Diu		3N11T
360	15	Trạm Y tế xã Bình Khê	Y sỹ	V.08.03.07	Trung cấp	Y sỹ đa khoa		Anh	Bậc 1	ƯDCNT TCB	1	Vũ Hồng Nga		13/12/1993	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Chính quy	Trung bình khá	Anh	B	B			4N4T
361	16	Trạm Y tế xã Tràng Lương	Bác sỹ Đa khoa	V.08.01.03	Đại học	Bác sỹ Đa khoa		Anh	Bậc 2	ƯDCNT TCB	1	Lê Thị Mai Hương		02/9/1989	Đại học	Bác sỹ Đa khoa	Chính quy	Khá	Anh	B	B			3N11T

Ấn định danh sách trên là 361 trường hợp/.

DANH SÁCH HỒ SƠ KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH VIÊN CHỨC VÀO LÀM VIỆC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG TRIỀU
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 02 /HD-HĐKTSH ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Kiểm tra sát hạch xét tuyển đặc cách viên chức năm 2018)

STT hồ sơ dự tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng viên chức									Chi tiết hồ sơ đăng ký dự tuyển														Lý do không đủ điều kiện	
		Đơn vị/ Phòng chuyên môn cần tuyển viên chức	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục		
					Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp	Tiếng	Trình độ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
		Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều										10														
	*	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo										9														
		Cấp học Mầm non									4															
1	1	Trường Mầm non Bình Minh	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02. 06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCN TTCB	1	Nguyễn Thị Chơn		02/12/1989	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	VLVH	Khá	Anh	B	B			3N4T	Không đủ điều kiện về thời gian 42 tháng liên tục đóng BHXH bắt buộc tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí dự tuyển (chỉ có 40 tháng liên tục làm ở VTVL phù hợp vị trí tuyển dụng)	
2											1	Trần Thị Như Quỳnh		21/02/1985	Trung cấp	Giáo dục mầm non	VLVH	Khá	Anh	B	B			3N4T	Không đủ điều kiện về thời gian 42 tháng liên tục đóng BHXH bắt buộc tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí dự tuyển (chỉ có 40 tháng liên tục làm ở VTVL phù hợp vị trí tuyển dụng)	
3	2	Trường Mầm non Hoa Mai	Giáo viên mầm non	V.07.02. 06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCN TTCB	1	Bùi Thị An		04/9/1978	Đại học	Giáo dục mầm non	Vừa học vừa làm	Trung bình khá	Anh	C	B	con Bệnh binh		3N4T	Không đủ điều kiện về thời gian 42 tháng liên tục đóng BHXH bắt buộc tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí dự tuyển (chỉ có 40 tháng liên tục làm ở VTVL phù hợp vị trí tuyển dụng)	
4	3	Trường Mầm non Hồng Phong	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02. 06	Trung cấp	Giáo dục mầm non		Anh	Bậc 1	UDCN TTCB	1	Nguyễn Thị Thắm		23/11/1982	TC	Giáo dục mầm non	Chính quy	Khá	Anh	B	B			2N9T	Không đủ điều kiện về thời gian 42 tháng liên tục đóng BHXH bắt buộc tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí dự tuyển (chỉ có 33 tháng liên tục làm ở VTVL phù hợp vị trí tuyển dụng)	
		Cấp học THCS									5															
5	4	Trường THCS Mạo Khê II	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04. 12	Cao đẳng	Hóa		Anh	Bậc 1	UDCN TTCB	1	Đỗ Thị Hồng Thu		26/3/1993	Đại học	Hóa	VLVH	Trung bình khá	Anh	C	B			3N9T	Không đủ điều kiện về thời gian 48 tháng liên tục đóng BHXH bắt buộc tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí dự tuyển (chỉ có 45 tháng liên tục làm ở VTVL phù hợp vị trí tuyển dụng)	
6	5	Trường THCS Lê Hồng Phong	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04. 12	Cao đẳng	Mỹ thuật		Anh	Bậc 1	UDCN TTCB	1	Bùi Anh Tuấn	14/9/1992		Cao đẳng	Mỹ thuật	Chính quy	Khá	Anh	B	B			3N9T	Không đủ điều kiện về thời gian 48 tháng liên tục đóng BHXH bắt buộc tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí dự tuyển (chỉ có 45 tháng liên tục làm ở VTVL phù hợp vị trí tuyển dụng)	
7	6	Trường THCS Mạo Khê I	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04. 12	Cao đẳng	Mỹ thuật		Anh	Bậc 1	UDCN TTCB	1	Vũ Thị Thu Huyền		21/12/1993	Đại học	Toán	Chính quy	Khá	Anh	B	B			3N9T	Không đủ điều kiện về thời gian 48 tháng liên tục đóng BHXH bắt buộc tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí dự tuyển (chỉ có 45 tháng liên tục làm ở VTVL phù hợp vị trí tuyển dụng)	
8	7	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04. 12	Cao đẳng	Sư phạm Toán		Anh	Bậc 1	UDCN TTCB	1	Hoàng Thị Thu		20/10/1992	Đại học	Toán	VLVH	Giỏi	Anh	B	B			3N9T	Không đủ điều kiện về thời gian 48 tháng liên tục đóng BHXH bắt buộc tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí dự tuyển (chỉ có 45 tháng liên tục làm ở VTVL phù hợp vị trí tuyển dụng)	

STT hồ sơ dự tuyển	STT cơ quan, đơn vị	Nhu cầu tuyển dụng viên chức									Chi tiết hồ sơ đăng ký dự tuyển														Lý do không đủ điều kiện	
		Đơn vị/ Phòng chuyên môn cần tuyển viên chức	Tên vị trí việc làm	Mã số chức danh nghề nghiệp	Yêu cầu về chuyên môn			Yêu cầu về Ngoại ngữ		Yêu cầu về Tin học	STT hồ sơ dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngành/Chuyên ngành của người đăng ký dự tuyển				Ngoại ngữ		Tin học	Đối tượng ưu tiên	Khác	Tổng thời gian đóng BHXH liên tục		
					Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Khác	Tiếng	Trình độ				Nam	Nữ	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Hệ Đào tạo	Loại tốt nghiệp	Tiếng	Trình độ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
9	8	Trường THCS Xuân Sơn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04. 12	Cao đẳng	Sư phạm Toán		Anh	Bậc 1	UDCN TTCB	1	Vũ Thị Kiều Trang		26/10/1993	Đại học	Toán	VLVH	Khá	Anh	B	B			3N9T	Không đủ điều kiện về thời gian 48 tháng liên tục đóng BHXH bắt buộc tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí dự tuyển (chỉ có 45 tháng liên tục làm ở VTVL phù hợp vị trí tuyển dụng)	
	*	Sự nghiệp khác										1														
10	1	Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật Nông nghiệp	Kỹ thuật viên	V.03.01. 02	Đại học	Kỹ sư Nông học		Anh	Bậc 2	UDCN TTCB	1	Trịnh Hữu Đạt	28/6/1979		Đại học	Kỹ Sư Nông học	Tại chức	Trung bình khá	Anh	B	B	Con thương binh		2N9T	Không đủ điều kiện về thời gian 48 tháng liên tục đóng BHXH bắt buộc tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí dự tuyển (chỉ có 33 tháng liên tục làm ở VTVL phù hợp vị trí tuyển dụng)	

Ấn định danh sách trên là 10 trường hợp./.

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỀ PHÒNG VẤN KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH VIÊN CHỨC
NĂM 2018 VÀO LÀM VIỆC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU**

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 02 /HD-HĐKTSH ngày 08 tháng 01 năm 2019
của Hội đồng Kiểm tra sát hạch xét tuyển đặc cách viên chức năm 2018)

STT	Đơn vị	Dự kiến số đề				
		Vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Số lượng hồ sơ	Số lượng đề	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	UBND thị xã Đông Triều		326	361	389	
*	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		306	341	359	
	Cấp học Mầm non		297	332	334	
		Giáo viên Mầm non	297	332	334	
	Cấp học Tiểu học		4	4	10	
		Giáo viên Thể dục	1	1	3	
		Giáo viên Tiếng Anh	1	1	3	
		Giáo viên Tiểu học	2	2	4	
	Cấp học THCS		3	3	9	
		Giáo viên Địa lý	1	1	3	
		Giáo viên Lịch sử	1	1	3	
		Giáo viên Hóa-Sinh	1	1	3	
	Cấp học THPT		2	2	6	
		Giáo viên tiếng Anh	1	1	3	
		Giáo viên Vật lý	1	1	3	
*	Sự nghiệp Y tế xã hội		19	19	27	
		Bác sĩ	3	3	5	
		Y sĩ	11	11	13	
		Điều dưỡng hạng IV	3	3	5	
		Hộ sinh hạng IV	2	2	4	
*	Sự nghiệp Văn hóa TTTT		1	1	3	
1	Ban quản lý khu di tích nhà Trần	Tuyên truyền, quảng bá thông tin du lịch và thu hút khách thăm quan	1	1	3	

This report was prepared by the
 Department of the Interior
 Bureau of Land Management
 Washington, D. C.
 June 1964

Section 1				Section 2	
Tract No.	Acres	Section 1	Section 2	Tract No.	Acres
1	100	100	100	1	100
2	200	200	200	2	200
3	300	300	300	3	300
4	400	400	400	4	400
5	500	500	500	5	500
6	600	600	600	6	600
7	700	700	700	7	700
8	800	800	800	8	800
9	900	900	900	9	900
10	1000	1000	1000	10	1000
11	1100	1100	1100	11	1100
12	1200	1200	1200	12	1200
13	1300	1300	1300	13	1300
14	1400	1400	1400	14	1400
15	1500	1500	1500	15	1500
16	1600	1600	1600	16	1600
17	1700	1700	1700	17	1700
18	1800	1800	1800	18	1800
19	1900	1900	1900	19	1900
20	2000	2000	2000	20	2000
21	2100	2100	2100	21	2100
22	2200	2200	2200	22	2200
23	2300	2300	2300	23	2300
24	2400	2400	2400	24	2400
25	2500	2500	2500	25	2500
26	2600	2600	2600	26	2600
27	2700	2700	2700	27	2700
28	2800	2800	2800	28	2800
29	2900	2900	2900	29	2900
30	3000	3000	3000	30	3000
31	3100	3100	3100	31	3100
32	3200	3200	3200	32	3200
33	3300	3300	3300	33	3300
34	3400	3400	3400	34	3400
35	3500	3500	3500	35	3500
36	3600	3600	3600	36	3600
37	3700	3700	3700	37	3700
38	3800	3800	3800	38	3800
39	3900	3900	3900	39	3900
40	4000	4000	4000	40	4000
41	4100	4100	4100	41	4100
42	4200	4200	4200	42	4200
43	4300	4300	4300	43	4300
44	4400	4400	4400	44	4400
45	4500	4500	4500	45	4500
46	4600	4600	4600	46	4600
47	4700	4700	4700	47	4700
48	4800	4800	4800	48	4800
49	4900	4900	4900	49	4900
50	5000	5000	5000	50	5000